

Số: 721 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu  
thuộc phạm vi địa giới của 01 thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2612/TTr-NNPTNT-NTM ngày 28/8/2017 và Công văn số 2935/SNNPTNT-NTM ngày 02/10/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu thuộc phạm vi địa giới của 01 thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ngành và đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã tổ chức thực hiện; xem xét và quyết định công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu đạt chuẩn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, VX, KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt488.



**Trần Ngọc Căng**



**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐIỀU KIỆN VÀ CHỈ TIÊU SỐNG ĐẠT CHO QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN CƯ NÔNG THÔN KIỂU MẪU**

(Phuộc phạm vi địa giới của 01 thôn)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 721 /QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
1	Giao thông	<b>1.1. Đường trục thôn, liên thôn</b>		
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa đạt chuẩn tối thiểu cấp C (nền đường rộng tối thiểu 3 m; mặt đường rộng tối thiểu 2 m).	100%	90%
		- Có bố trí đầy đủ biển báo hiệu đường bộ theo đúng quy chuẩn hiện hành.	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%	100%
		- Tỷ lệ đường có xanh, cây bóng mát hoặc cây có hoa hai bên đường.	≥ 80%	≥ 80%
		<b>1.2. Đường ngõ, xóm</b>		
		- Tỷ lệ km đường được cứng hóa đạt chuẩn tối thiểu cấp D (nền đường rộng tối thiểu 2m; mặt đường rộng tối thiểu 1,5 m)	≥ 90%	≥ 70%
		- Tỷ lệ km đường có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa.	100%	100%
		- Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát hoặc cây trồng hàng rào hai bên đường được cắt tỉa gọn đẹp.	≥ 90%	≥ 90%
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (Trạm biến áp, lưới điện hạ áp, công tơ, đường dây vào hộ gia đình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, điện áp ổn định trong giới hạn cho phép).	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn	100%	100%
		2.3. Tỷ lệ km đường trục chính của thôn, xóm có hệ thống điện chiếu sáng.	≥ 80%	≥ 70%

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
		<b>3.1. Vườn</b>		
		- Tỷ lệ hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà phù hợp.	≥ 80%	≥ 80%
		- Đất vườn được canh tác các loại cây trồng thích hợp, hiệu quả, cho sản phẩm hàng hóa, có thu nhập; có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; bố trí cảnh quan đẹp, hài hòa; không còn các loại cây dại, cây tạp.	≥ 80%	≥ 80%
		- Vệ sinh môi trường đảm bảo; sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Đạt	Đạt
		<b>3.2. Nhà ở và công trình phụ trợ</b>		
		- Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; diện tích tối thiểu khu vực đồng bằng đạt 14m <sup>2</sup> /người, miền núi đạt 10m <sup>2</sup> /người; hộ đơn thân diện tích tối thiểu căn nhà ≥ 18m <sup>2</sup> ; niên hạn sử dụng tối thiểu 20 năm).	≥ 90%	≥ 80%
		- Nhà ở có kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.	Đạt	Đạt
		- Có đủ 3 công trình vệ sinh cơ bản và được bố trí phù hợp, thuận tiện sinh hoạt, hợp vệ sinh.	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, không gây ô nhiễm, đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 80%	≥ 80%
		<b>3.3. Hàng rào, cổng ngõ</b>		
		Tỷ lệ hộ có hàng rào (hàng rào bằng cây xanh, trồng hoa hoặc được xây dựng bằng các loại vật liệu khác), cổng ngõ được xây dựng, sửa sang đẹp, hài hòa với phong cảnh của làng quê.	≥ 80%	≥ 70%
		<b>4.1. Nhà văn hóa thôn</b>		
		- Diện tích đất vùng đồng bằng ≥ 300m <sup>2</sup> , vùng miền núi ≥ 200m <sup>2</sup>	Đạt	Đạt
		- Đảm bảo đủ chỗ cho nhu cầu hội họp, sinh hoạt của thôn (đồng bằng tối thiểu 100 chỗ ngồi, miền núi tối thiểu 80 chỗ ngồi); có đủ bàn ghế và trang thiết bị khác phục vụ sinh hoạt, hội họp.	Đạt	Đạt
		- Có hàng rào (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây), trong khuôn	Đạt	Đạt
3	Vườn, nhà ở hộ gia đình			
4	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn			

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
		viên nhà văn hoá có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.		
		- Có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt	Đạt
		- Thu hút người dân tham gia các hoạt động thường xuyên tại Nhà văn hóa thôn.	≥ 30%	≥ 20%
		- Hệ thống loa truyền thanh đảm bảo chuyển tải được thông tin hàng ngày đến các hộ gia đình trong thôn.	Đạt	Đạt
		<b>4.2. Khu thể thao thôn</b>		
		- Diện tích đất vùng đồng bằng ≥ 500m <sup>2</sup> , vùng miền núi ≥ 300m <sup>2</sup>	Đạt	Đạt
		- Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt	Đạt
		- Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên.	≥ 25%	≥ 15%
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của Khu dân cư cao hơn từ 20% trở lên so với thu nhập bình quân đầu người/năm của xã	Đạt	Đạt
6	Hộ nghèo	Tỉ lệ hộ nghèo dưới chuẩn quy định (<5%)	Đạt	Đạt
		<b>7.1. Văn hoá</b>	Đạt	Đạt
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn Văn hoá” liên tục tối thiểu 5 năm.	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa.	≥ 90%	≥ 80%
		- Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	100%	100%
7	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	- Người dân ứng xử văn hóa, văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt	Đạt
		<b>7.2. Giáo dục</b>	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS.	100%	100%
		- Không có học sinh bỏ học, không có học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại), không có học sinh hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.	Đạt	Đạt
		<b>7.3. Y tế</b>	Đạt	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
		- Có tối thiểu 1 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đạt	Đạt
		- Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận.	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥ 90%	≥ 90%
8	Vệ sinh môi trường	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	100% (60% nước sạch)	100% (60% nước sạch)
		8.2. Đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động sản xuất, chăn nuôi làm ô nhiễm môi trường.	Đạt	Đạt
		8.3. Có hệ thống mương thoát nước thải chung của khu dân cư đảm bảo vệ sinh hoặc hộ xử lý tự thấm, không gây ô nhiễm môi trường.	Đạt	Đạt
		8.4. 100% hộ gia đình tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường (nếu trên địa bàn có dịch vụ này).	Đạt	Đạt
		8.5. 100% hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường khu dân cư, không vứt rác bừa bãi.	Đạt	Đạt
		8.6. Định kỳ 01 lần/quý tổ chức làm vệ sinh chung đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, phát dọn hàng rào, cây xanh ven đường.	Có	Có
9	Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự xã hội	9.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt	Đạt
		9.2. Có đủ các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội ở thôn và các tổ chức này hoạt động có hiệu quả.	Đạt	Đạt
		9.3. Thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” liên tục từ 03 năm trở lên theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.	Đạt	Đạt
		9.4. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và các hành vi vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với 02 năm liền trước năm xét công nhận; không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trong năm xét công nhận.	Đạt	Đạt
10	Ý thức công dân	10.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân.	100%	100%

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
		10.2. Tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động cộng đồng do địa phương, đoàn thể phát động.	≥ 80%	≥ 80%
		10.3. Đóng góp các loại quỹ đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	100%	100%

**Ghi chú:** Ngoài 10 tiêu chí trên, các nội dung khác theo 19 tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới có áp dụng tại địa bàn thôn đều phải đạt chuẩn quy định./.